



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch HĐQT
Bà Phan Thị Mỹ Linh	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Tam Đạo	Thành viên HĐQT
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên HĐQT

Thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khương Thị Chăm	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Xuân Thái	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 30/6/2010)
Ông Nguyễn Minh Phong	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 30/6/2010)
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 30/6/2010)
Bà Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 30/6/2010)

2. Thành viên của Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Các hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 4703000091 ngày 09 tháng 12 năm 2009 thì hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

4. **Trụ sở hoạt động:** Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 27.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

10. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm đó. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2010.

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty năm 2010.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Trịnh Bửu Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Số: 110 /BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 được lập vào ngày 28 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đảm bảo được hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính vào ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2010 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Văn Tuyên

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Hồ Đắc Hiếu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		96.466.083.469	107.087.450.113
I. Tiền	110	V.01	3.579.590.966	11.116.451.295
1. Tiền	111		3.579.590.966	4.916.451.295
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	329.332.000	383.350.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		769.000.000	741.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(439.668.000)	(357.650.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	11.527.217.106	13.883.601.138
1. Phải thu khách hàng	131		11.856.543.546	13.202.334.413
2. Trả trước cho người bán	132		50.214.563	590.986.826
3. Các khoản phải thu khác	138		610.578.297	646.412.283
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(990.119.300)	(556.132.384)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	80.225.368.570	80.043.575.960
1. Hàng tồn kho	141		80.225.368.570	80.263.575.960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(220.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	804.574.827	1.660.471.720
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		112.367.017	224.720.737
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		427.307.591	1.223.549.519
3. Các khoản thuế phải thu	154		38.814.140	38.814.140
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		226.086.079	173.387.324
B. Tài sản dài hạn	200		56.173.956.136	66.538.232.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		51.223.956.136	60.088.232.066
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	48.101.739.082	60.088.232.066
- Nguyên giá	222		235.687.537.193	233.314.755.573
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(187.585.798.111)	(173.226.523.507)
2. TSCĐ vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	3.122.217.054	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	4.950.000.000	6.450.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	1.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.920.000.000	1.920.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.030.000.000	3.030.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		152.640.039.606	173.625.682.179

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		101.985.663.979	106.427.796.014
I. Nợ ngắn hạn	310		95.844.364.737	98.205.197.532
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	50.648.490.513	56.347.086.415
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	39.280.270.585	36.246.874.853
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	509.408.419	443.861.847
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.12	12.986.550	84.603.824
5. Phải trả công nhân viên	315	V.13	2.952.628.009	2.243.799.136
6. Chi phí phải trả	316	V.14	362.631.970	256.698.636
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	1.724.517.803	1.650.177.433
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		353.430.888	932.095.388
II. Nợ dài hạn	330	V.16	6.141.299.242	8.222.598.482
1. Phải trả dài hạn khác	333		4.740.000.000	5.420.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		1.401.299.242	2.802.598.482
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.17	50.654.375.627	67.197.886.165
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		50.654.375.627	67.197.886.165
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313.744.700	313.744.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424.272.909	424.272.909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652.100.000)	(652.100.000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		(70.740.924)	(194.789.995)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.468.736.977	5.267.122.819
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.487.865.606	1.472.865.606
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		100.000.000	100.000.000
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(16.340.883.642)	543.290.126
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		152.640.039.606	173.625.682.179
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý			60.100.728	7.450.700
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH (USD)			94.440,17	204.249,08
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 28 tháng 02 năm 2011
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng	01		235.244.750.880	199.783.738.941
2. Các khoản giảm trừ	02		1.008.241.058	1.812.853.636
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	234.236.509.822	197.970.885.305
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	226.673.069.672	180.702.415.706
5. Lợi nhuận gộp	20		7.563.440.150	17.268.469.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	459.874.745	549.483.981
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	7.689.264.443	5.040.811.792
- Trong đó: lãi vay	23		6.558.899.210	4.996.072.358
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	7.658.051.378	5.266.381.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	6.972.743.682	5.678.370.278
10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		(14.296.744.608)	1.832.389.857
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.229.401.136	1.025.644.097
12. Chi phí khác	32	VI.08	566.602.138	2.364.146.604
13. Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		662.798.998	(1.338.502.507)
14. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	50		(13.633.945.610)	493.887.350
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-	202.273.192
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(13.633.945.610)	291.614.158
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		-	49

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Biên Hoà, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(13.633.945.610)	493.887.350
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.812.812.224	15.168.091.938
Các khoản dự phòng	03	296.004.916	(609.206.265)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(70.740.924)	(194.789.995)
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(260.968.980)	(536.095.831)
Chi phí lãi vay	06	6.558.899.210	4.996.072.358
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	7.702.060.836	19.317.959.555
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.665.940.289	7.488.378.553
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	38.207.390	7.210.118.973
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	2.594.413.107	(13.811.993.061)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	112.353.720	(29.788.467)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.558.899.210)	(4.869.439.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(288.523.062)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(342.440.545)	(846.903.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.211.635.587	14.169.809.167
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(5.616.449.874)	(1.649.326.667)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	63.636.364	21.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(28.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.500.000.000	500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	207.686.741	515.095.831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.873.126.769)	(2.113.230.836)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	187.893.759.373	163.690.837.601
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(194.993.654.515)	(165.786.145.300)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(2.970.264.000)	(43.518.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.070.159.142)	(2.138.825.849)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	(7.731.650.324)	9.917.752.482
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.116.451.295	1.198.698.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	194.789.995	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	3.579.590.966	11.116.451.295

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Biên Hoà, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Men Thanh Thanh – Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4703000091 ngày 02 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là:

59.923.480.000 đồng

Cổ đông góp vốn	Giá trị vốn góp theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế đến 31/12/2010
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (FICO)	20.400.000.000 đồng	20.400.000.000 đồng
Các cổ đông khác	39.523.480.000 đồng	39.523.480.000 đồng
Cổ phiếu quỹ	-	(652.100.000) đồng
Cộng	59.923.480.000 đồng	59.271.380.000 đồng

Trụ sở hoạt động: Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số công nhân viên Công ty: người.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định phù hợp theo thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 14 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

7. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4.5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Theo đó, tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8.5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập với tỷ lệ 3% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

10. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

11. Thuế

Theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ tài Chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính và các quy định có liên quan khác, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15%, được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế TNDN phải nộp 02 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi trên theo quy định của Luật thuế TNDN. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty tự xác định được miễn thuế TNDN trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Khoản sai biệt giữa thuế phải trả theo sổ sách kế toán của Công ty và số liệu do kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh khi phát sinh.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

13. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên có liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn và trích lập các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

15. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt		1.183.370.869	826.137.422
Tiền gửi ngân hàng	(1.1)	2.396.220.097	4.090.313.873
Các khoản tương đương tiền		-	6.200.000.000
Cộng		3.579.590.966	11.116.451.295
(1.1) Bao gồm:			
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (94,440.17 USD)		1.787.941.298	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (22,47 EUR)		447.170	
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		607.831.629	
Cộng			2.396.220.097
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
		31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư ngắn hạn	(2.1)	769.000.000	741.000.000
Cộng		769.000.000	741.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.2)	(439.668.000)	(357.650.000)
Giá trị thuần khoản đầu tư ngắn hạn		329.332.000	383.350.000

(2.1): Bao gồm khoản đầu tư mua cổ phiếu là 741.000.000 đồng và khoản đầu tư mua 28 trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 1 năm (mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, lãi suất 8%/năm) của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.

(2.2): Chi tiết trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Tên cổ phiếu	Số lượng	Đơn giá tồn	Giá trị đầu tư	Đơn giá thị trường	Trị giá dự phòng
	tồn	bình quân			
REE	6.160	44.156	272.000.000	17.700	(162.968.000)
DHA	4.500	45.111	203.000.000	21.400	(106.700.000)
SSI	3.000	88.667	266.000.000	32.000	(170.000.000)
Cộng	13.660		741.000.000		(439.668.000)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	(3.1)	11.856.543.546	13.202.334.413
Trả trước người bán		50.214.563	590.986.826
Phải thu khác	(3.2)	610.578.297	646.412.283
Cộng		12.517.336.406	14.439.733.522
Dự phòng phải thu khó đòi		(990.119.300)	(556.132.384)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		11.527.217.106	13.883.601.138

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.1) Bao gồm:	31/12/2010	
Phải thu khách hàng bằng VND	11.065.943.226	
Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ (41,760.00 USD)	790.600.320	
Cộng		11.856.543.546
(3.2) Bao gồm:	31/12/2010	
Khoản tiền cho mượn thanh toán không hợp đồng và không lãi suất đến các nhân viên	487.323.200	
Thuế TNCN phải thu từ nhân viên	43.553.633	
Khoản cho mượn vật tư đến các khách hàng	57.301.464	
Phải thu Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo công nhân viên	22.400.000	
Cộng		610.578.297
4. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	26.479.146.225	23.937.528.586
Công cụ, dụng cụ	1.986.522.303	1.880.249.025
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.523.600.477	756.041.195
Thành phẩm	50.163.590.154	53.535.555.636
Hàng hoá	72.509.411	154.201.518
Cộng giá gốc hàng tồn kho	80.225.368.570	80.263.575.960
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(220.000.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện	80.225.368.570	80.043.575.960
5. Tài sản ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn (5.1)	112.367.017	224.720.737
Thuế GTGT được khấu trừ	427.307.591	1.223.549.519
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (5.2)	38.814.140	38.814.140
Tạm ứng đến nhân viên Công ty	72.486.079	102.107.324
Khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	153.600.000	71.280.000
Cộng	804.574.827	1.660.471.720
(5.1) Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.		
(5.2) Thuế TNDN nộp thừa.		

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23.687.500.786	203.049.221.638	6.291.795.497	286.237.652	233.314.755.573
Tăng	-	2.494.232.820	-	-	2.494.232.820
Giảm	-	-	121.451.200	-	121.451.200
Số dư cuối năm	23.687.500.786	205.543.454.458	6.170.344.297	286.237.652	235.687.537.193
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.938.103.980	153.066.354.191	3.935.827.684	286.237.652	173.226.523.507
Tăng	1.091.288.343	13.199.864.851	521.659.030	-	14.812.812.224
Giảm	-	342.440.545	111.097.075	-	453.537.620
Số dư cuối năm	17.029.392.323	165.923.778.497	4.346.389.639	286.237.652	187.585.798.111
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.749.396.806	49.982.867.447	2.355.967.813	-	60.088.232.066
Số dư cuối năm	6.658.108.463	39.619.675.961	1.823.954.658	-	48.101.739.082

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.948.435.570 đồng.

Nguyên giá của tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn là 225.156.084.502 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định tăng trong năm do xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, giảm trong năm do thanh lý.

Khấu hao giảm trong năm do thanh lý TSCĐ là 111.097.075 đồng và do hoàn nhập chi phí khấu hao của năm 2009 đã trích dư là 342.440.545 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hóa Công ty Gạch men Thanh Thanh. Giá trị lợi thế thương mại đã được hạch toán là tài sản cố định vô hình và trích khấu hao với tỷ lệ 5%/năm trong các năm từ 2004 đến năm 2007. Năm 2008, Công ty thực hiện trích khấu hao với tỷ lệ là 10%/năm. Năm 2009, Công ty thực hiện trích khấu hao với tỷ lệ là 5%/năm. Theo nội dung công văn phản hồi số 9211/BTC-CĐKT ngày 14/7/2010 của Bộ Tài chính, lợi thế thương mại phát sinh trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn. Theo đó, toàn bộ giá trị lợi thế thương mại này đã được điều chỉnh hồi tố, kết chuyển vào lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của hệ thống xử lý nước thải	1.725.454.545	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dây chuyền lò đốt than xich	1.396.762.509	-
Cộng	3.122.217.054	-

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư vào Công ty con (9.1)	-	1.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (9.2)	1.920.000.000	1.920.000.000
Đầu tư dài hạn khác (9.3)	3.030.000.000	3.030.000.000
Cộng	4.950.000.000	6.450.000.000

(9.1): Đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại VLXD Thanh Thanh (vốn điều lệ là 6 tỷ đồng). Tính đến 30/6/2009, Công ty chỉ góp vốn vào công ty này là 2 tỷ đồng. Do Công ty dự định giải thể công ty con này, nên từ 30/6/2009 đến nay, Công ty đã rút vốn đầu tư là 1.250.802.708 đồng và giá trị còn lại của khoản đầu tư này (749.197.292 đồng) đã được kết chuyển vào chi phí tài chính trong năm 2010.

(9.2): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng chiếm 24% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 8 tỷ đồng). Trong năm tài chính 2010 này, Công ty đã nhận được khoản cổ tức năm 2009 được chia bằng tiền là 96.000.000 đồng.

(9.3): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng (trong đó, 290.000 cổ phiếu mang tên Công ty và 10.000 cổ phiếu chuyển sang mang tên Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 62/NQ-HĐQT ngày 24/9/2007) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Cosevco, chiếm 11,53% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 26 tỷ đồng). Trong năm tài chính 2010 này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

10. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam	47.749.789.755	54.349.684.897
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.898.700.758	1.997.401.518
Cộng	50.648.490.513	56.347.086.415

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết các khoản nợ vay

Vay từ	Số dư nợ vay đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư nợ vay cuối năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai bằng VND (10.1)	54.349.684.897	185.134.673.244	191.734.568.386	47.749.789.755
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai bằng ngoại tệ (10.1)	-	2.759.086.129	2.759.086.129	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (10.2)	1.997.401.518	1.401.299.240	500.000.000	2.898.700.758
Cộng	56.347.086.415	189.295.058.613	194.993.654.515	50.648.490.513

(10.1) Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 03/2010/HĐ ngày 07/4/2010 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng (bao gồm cả vay bằng VND và ngoại tệ), thời gian được cấp mức hạn mức này là 12 tháng kể từ ngày 07/4/2010. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 08 tháng, lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay này được thuyết minh chi tiết tại mục số 6.

(10.2): Phần ngắn hạn của khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1.

11. Phải trả người bán và người mua ứng trước	31/12/2010	01/01/2010
Phải trả người bán (11.1)	39.280.270.585	36.246.874.853
Người mua ứng trước (11.2)	509.408.419	443.861.847
Cộng	39.789.679.004	36.690.736.700
(11.1) Bao gồm:	31/12/2010	
Phải trả người bán bằng ngoại tệ (2,800.00 USD)	53.009.600	
Phải trả người bán bằng VND	39.227.260.985	
Cộng		39.280.270.585
(11.2) Bao gồm:	31/12/2010	
Người mua ứng trước bằng ngoại tệ (6,217.00 USD)	117.700.244	
Người mua ứng trước bằng VND	391.708.175	
Cộng		509.408.419
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	81.580.752
Thuế TNCN phải nộp	12.986.550	3.023.072
Cộng	12.986.550	84.603.824
13. Phải trả công nhân viên	31/12/2010	01/01/2010
	2.952.628.009	2.243.799.136

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí lãi vay còn phải trả cho Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	362.631.970	256.698.636
Cộng	362.631.970	256.698.636

15. Phải trả khác	31/12/2010	01/01/2010
Kinh phí công đoàn	132.546.387	108.706.561
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp còn phải nộp	260.057.619	241.296.530
Cổ tức còn phải trả cho các cổ đông	-	11.650.000
Phải trả Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về kinh phí hỗ trợ đào tạo nâng cấp tay nghề công nhân	700.000.000	700.000.000
Khoản thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	631.851.389	550.270.637
Và các khoản khác	62.408	38.253.705
Cộng	1.724.517.803	1.650.177.433

16. Nợ dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.740.000.000	5.420.000.000
Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	4.300.000.000	4.800.000.000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả (Mục 11.2)	(2.898.700.758)	(1.997.401.518)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Cộng	6.141.299.242	8.222.598.482

Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo hợp đồng vay vốn số 02/07/HĐVV-TTHANH ngày 25/12/2006 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Ngày đáo hạn là 31/12/2011, lãi suất 0,2%/tháng. Khoản vay này là vay tín chấp.

17. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu	<i>Đơn vị tính: ngàn đồng</i>			
	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.923.480	-	-	59.923.480
Thặng dư cổ phần	313.745	-	-	313.745
Vốn khác chủ sở hữu	424.273	-	-	424.273
Cổ phiếu quỹ	(652.100)	-	-	(652.100)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(194.790)	194.790	70.741	(70.741)
Quỹ đầu tư phát triển	5.267.123	201.614	-	5.468.737
Quỹ dự phòng tài chính	1.472.866	15.000	-	1.487.866
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100.000	-	-	100.000
Lợi nhuận chưa phân phối	543.290	(13.622.296)	3.261.878	(16.340.884)
Cộng	67.197.886	(13.210.891)	3.332.619	50.654.376

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi nhuận chưa phân phối tăng do:

Hoàn nhập cổ tức không phải trả cho cổ đông	11.650.000	
Lỗ từ kết quả kinh doanh trong năm 2010	(13.633.945.610)	
Cộng		(13.622.295.610)

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển	201.614.158	
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	15.000.000	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	75.000.000	
Chia cổ tức từ kết quả kinh doanh năm 2008	2.970.264.000	
Cộng		3.261.878.158

17. a. Chi tiết vốn đầu tư

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi
Vốn Nhà nước	20.400.000	20.400.000	-	20.400.000	20.400.000	-
Vốn cổ đông	39.523.480	39.523.480	-	39.523.480	39.523.480	-
Thặng dư	313.745	313.745	-	313.745	313.745	-
CP quỹ	(652.100)	(652.100)	-	(652.100)	(652.100)	-
Cộng	59.585.125	59.585.125	-	59.585.125	59.585.125	-

17. b. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.992.348	5.992.348
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	5.992.348	5.992.348
- Cổ phiếu thường	5.992.348	5.992.348
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	51.820	51.820
- Cổ phiếu thường	51.820	51.820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	5.940.528
- Cổ phiếu thường	5.940.528	5.940.528
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. c. Chi tiết thành viên góp vốn

Thành viên góp vốn	Tỷ lệ	Theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế 31/12/2010
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	34,04%	20.400.000.000	20.400.000.000
Và các cổ đông khác	65,96%	39.523.480.000	39.523.480.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	(652.100.000)
Cộng	100,00%	59.923.480.000	59.271.380.000

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	235.244.750.880	199.783.738.941
Trừ Các khoản giảm trừ doanh thu	1.008.241.058	1.812.853.636
- Chiết khấu thương mại	497.438.225	1.412.597.627
- Hàng bán bị trả lại	497.126.469	385.018.551
- Giảm giá hàng bán	13.676.364	15.237.458
Doanh thu thuần	234.236.509.822	197.970.885.305
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp	226.893.069.672	181.086.111.971
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	220.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(220.000.000)	(603.696.265)
Cộng	226.673.069.672	180.702.415.706
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi ngân hàng	96.891.741	353.535.831
Cổ tức, lợi nhuận được chia	110.795.000	161.560.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	252.188.004	34.388.150
Cộng	459.874.745	549.483.981
4. Chi phí tài chính	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí lãi vay	6.558.899.210	4.996.072.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá	299.149.941	270.249.434
Khoản lỗ từ hoạt động đầu tư vào công ty con (Công ty TNHH MTV Thương mại VLXD Thanh Thanh)	749.197.292	-
Dự phòng/(hoàn nhập) đầu tư chứng khoán ngắn hạn	82.018.000	(225.510.000)
Cộng	7.689.264.443	5.040.811.792

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2010	Năm 2009
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí lương nhân viên	1.516.009.575	1.121.882.947
Chi phí khấu hao TSCĐ	42.872.058	44.490.277
Chi phí dự phòng	-	24.220.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.512.068.722	2.866.655.407
Chi phí bằng tiền khác	2.587.101.023	1.209.132.365
Cộng	7.658.051.378	5.266.381.653
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	3.084.909.700	2.285.607.463
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	165.772.429	459.126.224
Chi phí khấu hao TSCĐ	262.938.390	211.543.860
Chi phí dự phòng	249.114.318	54.795.306
Thuế, phí và lệ phí	1.164.177.496	882.933.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.348.623	520.240.753
Chi phí bằng tiền khác	1.398.482.726	1.264.122.939
Cộng	6.972.743.682	5.678.370.278
7. Thu nhập khác		
Thu nhập do thanh lý TSCĐ	63.636.364	21.000.000
Thu nhập từ việc hoàn nhập chi phí khấu hao năm 2009 do trích dư	342.440.545	-
Thu nhập do nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	733.801.560	773.130.097
Thu nhập từ việc xử lý công nợ không phải trả	13.551.575	211.750.000
Thu nhập do xử lý hàng tồn kho thừa khi kiểm kê	75.971.092	19.764.000
Cộng	1.229.401.136	1.025.644.097
8. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	10.354.125	-
Chi phí xử lý hàng tồn kho thiếu do kiểm kê	56.845.480	8.466.609
Xử lý các khoản công nợ không thể thu hồi	52.650.028	7.450.700
Khoản thuế thu nhập phải nộp thêm từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	81.580.752
Chi phí khấu hao của những tài sản cố định không đưa vào quá trình sản xuất, kinh doanh	-	2.266.648.543
Chi phí trợ cấp thôi việc không được hỗ trợ từ khi cổ phần hoá	408.696.946	-
Và các khoản chi phí khác	38.055.559	-
Cộng	566.602.138	2.364.146.604

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

2. Số dư đầu năm

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ phát sinh từ khoản lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hoá Công ty Gạch men Thanh Thanh cần phải được điều chỉnh và công bố trên Báo cáo tài chính. Số dư trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán	Số dư 31/12/2009 đã kiểm toán	Số dư 01/01/2010	Chênh lệch
A. TÀI SẢN			
Trong đó, tài sản cố định vô hình	2.734.969.894	-	2.734.969.894
- Nguyên giá	4.207.646.000	-	4.207.646.000
- Hao mòn lũy kế	(1.472.676.106)	-	(1.472.676.106)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	176.360.652.073	173.625.682.179	2.734.969.894
B. NGUỒN VỐN			
Trong đó, lợi nhuận chưa phân phối	3.278.260.020	543.290.126	2.734.969.894
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	176.360.652.073	173.625.682.179	2.734.969.894

Khoản lợi thế thương mại phát sinh từ thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hoá Công ty Gạch men Thanh Thanh phải được ghi nhận là "Chi phí trả trước dài hạn" và phải được phân bổ hết vào kết quả kinh doanh của các năm 2004, 2005 và 2006 theo đúng các quy định và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Số dư tại ngày 01/01/2010 đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nghiệp vụ với các bên hữu quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	Nhà đầu tư	Chi phí lãi vay	105.933.333
		Mua hàng	171.017.880
		Nhận thanh toán tiền hàng	(171.017.880)
Công ty cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(1.049.272.500)
		Thanh toán tiền hàng	1.253.380.254
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(88.440.000)
		Thanh toán tiền hàng	88.440.000
Công ty CP Đá Phước Hoà Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(2.874.755.399)
		Thanh toán tiền hàng	1.876.282.917
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	(8.018.888.600)
		Thanh toán tiền hàng	8.364.068.396

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư	Phải thu / (Phải trả)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	Nhà đầu tư	Phải trả (Lãi vay)	(362.631.970)
		Phải trả khác (kinh phí đào tạo)	(700.000.000)
		Phải thu (khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo)	22.400.000
		Phải trả (Gốc vay)	(4.300.000.000)
Công ty CP Đá Phước Hoà Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(1.244.151.721)
Công ty cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(203.651.500)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Phải trả (mua hàng)	(2.820.864.385)

Biên Hoà, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc